

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND xã Lợi Bác)

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh thực
			Quý II	Lũy kế	Dự toán
A	B	1	2	3	4=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.156	465	1.504	130,1
I	Thu nội địa	1.156	392	1.431	123,8
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp		73	73	
III	Thu viện trợ				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	106.668	30.522	63.394	59,4
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.470	402	1.373	93
1	Các khoản thu NSX hưởng 100%	1.470	402	1.373	93,4
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng trong tổng NSDP hưởng 30%)				
3	Các khoản thu phân chia NSX theo tỷ lệ %				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	105.198	20.000	51.901	49,3
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	104.297	20.000	51.000	48,9
2	Thu bổ sung có mục tiêu	901		901	100,0
III	Thu kết dư				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		10.120	10.120	
C	TỔNG CHI NSDP	106.668	25.453	50.671	47,5
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	106.668	25.453	50.671	47,5
1	Chi đầu tư phát triển	1.940	3.003	3.003	154,8
2	Chi thường xuyên	101.712	21.999	46.767	46,0
3	Chi viện trợ			-	
4	Dự phòng NSNN	2.115		-	
5	Các nhiệm vụ chi khác	901	451	901	100,0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND xã Lợi Bác)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh thực hiện (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.560,00	465	1.504	96,41	21,51
I	Thu nội địa	1.560,00	392	1.431	91,73	20,46
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			-		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN			-		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	330,00	76	321	97,17	8,13
4	Thuế thu nhập cá nhân	70,00	61	95	135,71	4,41
5	Thuế bảo vệ môi trường			-		
6	Các loại phí, lệ phí	560,00	209	623	111,28	114,47
	Trước: Lệ phí trước bạ	500,00	209	623	124,63	
7	Các khoản thu về nhà, đất	520,00	17	362	69,57	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120,00	1	1	0,50	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		16	16		
-	Thu tiền sử dụng đất	400,00		345	86,27	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN			-		
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			-		
9	Thu từ hoạt động xổ số			-		
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			-		
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			-		
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế			-		
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			-		
12	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác			-		
13	Thu khác ngân sách	80,00	28	30	37,95	-
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp		73	73		
III	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh thực hiện (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NST và NSX					
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng trong tổng NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSX hưởng 100%					

THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND xã Lợi Bác)

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh thụ
			Quý II	Lũy kế	Dự toán
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3/l</i>
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>	106.668	25.002	50.671	47,50
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	106.668	25.002	50.671	47,50
I	Chi đầu tư phát triển	1.940	3.003	3.003	154,78
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	1.940	3.003	3.003	154,78
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi thường xuyên	101.712	21.999	47.668	46,87
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	62.358	17.990	31.291	50,18
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
III	Chi viện trợ				
IV	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.115,0		-	-
V	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế				
VI	Các nhiệm vụ chi khác	901	451	901	100,00
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NST CHO NSX	0			
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				

Biểu số 05.1

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu hiện (%)
Cùng kỳ năm trước
5
10,83
10,83
4,11
4,11
12,08
4.457,45
4,33

UBND XÃ LỢI BÁC

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CHO ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của UBND xã Lợi Bác)

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách tỉnh bổ sung có phương	
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NST bổ sung	Số đã phân bổ
A	B	I	2	3=I-2	4	5
	Tổng số	2.115,00	-	2.115,00	-	-
1	Chi đầu tư phát triển			-		
2	Chi thường xuyên	2.115,00		2.115,00		

